

NHÀ KHO

TT	Quy định				Thực tế kiểm tra	Kết luận
1	Phân loại chung	Phân nhóm nhà	Các nhà và công trình kho bãi, kho chứa sách, kho lưu trữ, gian phòng kho: F 5.2	QCVN 06:2010/BXD Bảng 6		
		Thuộc diện quản lý về PCCC	Kho hàng hóa, vật tư cháy được hoặc hàng hóa vật tư không cháy đựng trong các bao bì cháy được; bãi hàng hóa, vật tư cháy được	Phụ lục I, Nghị định 79/2014/NĐ-CP		
		Cơ sở có nguy hiểm về cháy, nổ	Kho hàng hóa, vật tư cháy được hoặc hàng hóa vật tư không cháy đựng trong các bao bì cháy được có khối tích từ 1.000 m ³ trở lên; bãi hàng hóa, vật tư cháy được có diện tích từ 500 m ² trở lên	Phụ lục II, Nghị định 79/2014/NĐ-CP		
		Thuộc diện thẩm duyệt về PCCC	Nhà kho hàng hóa, vật tư cháy được hoặc có bao bì cháy được có khối tích từ 1.000 m ³ trở lên	Phụ lục IV, Nghị định 79/2014/NĐ-CP		
2	Khả năng cách PCCC	Bậc I, II	- Đến nhà có bậc chịu lửa I, II thuộc hạng sản xuất D, E: không quy định - Đến nhà có bậc chịu lửa I, II thuộc hạng sản xuất A, B, C: 9m - Đến nhà có bậc chịu lửa III: 9m - Đến nhà có bậc chịu lửa IV, V: 12m	QCVN 06:2010/BXD Bảng E1, phụ lục E		
		<i>Khoảng cách đối với nhà và công trình có bậc chịu lửa I, II thuộc hạng sản xuất A, B, C được giảm từ 9m xuống còn 6m nếu đáp ứng một trong các điều kiện sau:</i> - Nhà và công trình được trang bị hệ thống chữa cháy tự động. - Tải trọng riêng làm bằng các chất cháy trong các ngôi nhà thuộc hạng sản xuất C $\leq 10 \text{ kg/m}^2$ diện tích tầng.				
		Bậc III	- Đến nhà có bậc chịu lửa I, II: 9m - Đến nhà có bậc chịu lửa III: 12m - Đến nhà có bậc chịu lửa IV, V: 15m			
		Bậc IV, V	- Đến nhà có bậc chịu lửa I, II: 12m - Đến nhà có bậc chịu lửa III: 15m			

			- Đến nhà có bậc chịu lửa IV, V: 18m			
		<i>Lưu ý: Không quy định khoảng cách giữa các nhà sản xuất và công trình công nghiệp trong những trường hợp sau:</i> - Tổng diện tích mặt sàn của 2 ngôi nhà trở lên có bậc chịu lửa III, IV không vượt quá diện tích cho phép tầng lớn nhất trong phạm vi một khoang cháy - Tường của ngôi nhà, công trình cao hơn hoặc rộng hơn, quay về phía một công trình khác là tường ngăn cháy - Nhà và công trình có bậc chịu lửa III không phụ thuộc vào độ nguy hiểm cháy theo hạng sản xuất có tường đứng đối diện là tường đặc hoặc tường có lỗ được xây kín bằng gạch block kính (hoặc kính có cốt) với $GHCL \geq 60p$				
		Các trường hợp khoảng cách PCCC được lấy nhỏ hơn quy định (khoảng cách này được xác định từ tường ngôi nhà đến đường ranh giới khu đất của ngôi nhà):		QCVN 06:2010/BXD Bảng E3, Phụ lục E		
		Trong khoảng từ 0 - 1 m	Tường ngoài là tường ngăn cháy loại 1 (đối với nhà có bậc chịu lửa I, II) và tường ngăn cháy loại 2 (đối với nhà có bậc chịu lửa III, IV) (Không được mở lỗ cửa)			
		Trong khoảng từ 1 đến $\leq 1,5$ m (Phải tính toán tỷ lệ % diện tích lỗ mở cửa (diện tích bề mặt không được bảo vệ chống cháy) so với tổng diện tích bề mặt bức tường đối diện đường ranh giới khu đất của công trình)	Cho phép tường mở lỗ $\leq 4\%$			
		Trong khoảng từ 1,5 m - ≤ 3 m	Cho phép tường mở lỗ $\leq 8\%$			
		Trong khoảng từ 3 m đến dưới 6 m	Cho phép tường mở lỗ $\leq 20\%$			
		> 6m	Cho phép tường mở lỗ $\leq 40\%$			
		<i>Lưu ý: các giá trị có thể tính nội suy</i>				

3	Bố trí mặt bằng	Diện tích cho phép lớn nhất của 1 tầng nhà trong phạm vi 1 khoang cháy và chiều cao tối đa cho phép		QCVN 06:2010/BXD Bảng H7, Phụ lục H		
		<i>Lưu ý: khi các gian phòng kho có bậc chịu lửa I, II, III có trang bị hệ thống chữa cháy tự động thì diện tích quy định được phép tăng lên nhưng không quá 2 lần</i>				
		Đối với nhà kho 1 tầng có chiều cao giá $\geq 5,5\text{m}$	Phải có bậc chịu lửa II, có cửa trời và ống thải khói trên mái	TCVN 4317:1986 Đ 3.6		
		Kho chứa thành phẩm của xí nghiệp công nghiệp bố trí trong nhà sản xuất	Phải đặt giáp tường biên và cách ly với các gian lân cận bằng vách ngăn, tấm sàn và tấm trần có GHCL $\geq 2,3\text{h}$	TCVN 4317:1986 Đ 3.8		
		Kho khác bố trí trong nhà sản xuất	Phải cách ly với các gian lân cận bằng vách ngăn, tấm sàn và tấm trần có GHCL $\geq 0,75\text{h}$			
		Hàng hóa bảo quản ở tầng hầm	- Phải ngăn chia thành từng gian hàng riêng biệt bằng tường, vách không cháy; diện tích mỗi gian $\leq 3.000\text{m}^2$, chiều rộng mỗi gian $\leq 30\text{m}$ - Hành lang tầng hầm phải có chiều rộng $\geq 2\text{m}$; bố trí lối thoát trực tiếp từ 2 đầu hành lang ra ngoài hoặc qua buồng thang; tường, vách ngăn của kho và hành lang phải có GHCL $\geq 45\text{p}$; cửa đi có GHCL $\geq 36\text{p}$	TCVN 4317:1986 Đ 3.10		
		Bố trí loại kho A, B, F	Không được bố trí ở tầng hầm			
4	Đường giao thông phục vụ chữa cháy	Yêu cầu bố trí	Phải bố trí đường cho xe chữa cháy theo toàn bộ chiều dài: - Từ 1 bên, khi chiều rộng nhà và công trình $< 18\text{m}$ - Từ cả 2 bên, khi chiều rộng $\geq 18\text{m}$ Nhà có diện tích xây dựng $\geq 10.000\text{m}^2$ hoặc rộng $\geq 100\text{m}$ thì phải có lối vào cho xe chữa cháy từ mọi phía	QCVN 06:2010/BXD Đ 5.6		
		Chiều rộng thông thủy	$\geq 3,5\text{ m}$	QCVN 06:2010/BXD Đ 5.2		

		Chiều cao thông thủy	$\geq 4,5 \text{ m}$			
		Đường cụt cho 1 làn xe	$\leq 150\text{m}$, cuối đường phải có bãi quay xe			
		Khoảng cách từ nơi đỗ xe tới hòng tiếp nước vào nhà	$\leq 18\text{m}$			
		Tiếp cận nguồn nước bên trong công trình	Phải tiếp cận được			
		Tiếp cận được đến các nhà	Phải tiếp cận được đến các nhà	QCVN 06:2010/BXD Đ 5.5		
		Khoảng cách từ mép đường xe chạy đến tường nhà	Trong khoảng 5 - 8 m không được bố trí tường ngăn, đường dây tải điện, trồng cây thành hàng			
5	Lối thoát nạn, lối ra khẩn cấp	Số lối thoát nạn của 1 phòng	- Các gian phòng phải có tối thiểu 2 lối thoát nạn: + Có mặt đồng thời hơn 50 người, trong tầng hầm và tầng nửa hầm có mặt đồng thời hơn 15 người + Gian phòng hạng A, B có số người làm việc trong ca đông nhất > 5, hạng C > 25 người hoặc có diện tích $> 1.000\text{m}^2$ + Các sàn công tác hở hoặc sàn dành cho người vận hành, bảo dưỡng thiết bị trong gian phòng có diện tích $> 100\text{m}^2$ (đối với hạng A, B) hoặc $> 400\text{m}^2$ (đối với hạng C, D, E) - Phải được bố trí phân tán.	QCVN 06:2010/BXD Đ 3.2.5		
		Cửa ra các phòng	Các phòng trên 15 người phải có hướng mở cửa theo chiều lối thoát từ trong ra ngoài	QCVN 06:2010/BXD Đ 3.2.10		
		Cửa trên đường thoát nạn	- Mở theo chiều lối thoát từ trong ra ngoài. - Trên đường thoát nạn không được bố trí cửa cuốn, cửa xoay, cửa trượt - Cánh cửa đi phải mở ra ngoài hoặc dùng cửa lùa	QCVN 06:2010/BXD Đ 3.2.10 TCVN 4317:1986 Đ 3.17		
		Chiều rộng thông thủy lối thoát nạn	$\geq 1,2\text{m}$ từ các gian phòng khi số người thoát nạn lớn hơn 50 người	QCVN 06:2010/BXD Đ 3.2.9		

		Số lối thoát nạn từ các tầng	≥ 2 khi tầng có gian phòng có yêu cầu số lối ra ≥ 2 ≥ 2 đối với tầng nhóm F5 hạng A, B khi số người làm việc trong ca đông nhất > 5, hạng C khi số người làm việc trong ca đông nhất > 25 Phải bố trí phân tán	QCVN 06:2010/BXD Đ 3.2.7 QCVN 06:2010/BXD Đ 3.2.8		
6	Đường thoát nạn	Chiều rộng thông thủy	$\geq 1,2$ m đối với hành lang chung dùng để thoát nạn cho hơn 50 người từ các gian phòng ≥ 1 m đối với các trường hợp còn lại	Đ 3.3.6		
		Chiều cao thông thủy	≥ 2 m	Đ 3.3.6		
		Trên đường thoát nạn	Không được bố trí cầu thang xoắn ốc, thang cong toàn phần hoặc từng phần. Trên sàn đường thoát nạn không được có các giạt cấp. Tại chỗ giạt cấp phải bố trí bậc thang với số bậc không nhỏ hơn 3 hoặc làm đường dốc với độ dốc ≤ 6 độ	Đ 3.3.7		
7	Cầu thang bộ trên đường thoát nạn	Chiều rộng bản thang	$\geq 1,2$ m đối với nhà có số người trên tầng bất kỳ (trừ tầng 1) lớn hơn 200 người $\geq 0,9$ m đối với các trường hợp còn lại	Đ 3.4.1		
		Chiều rộng chiều thang	Không nhỏ hơn chiều rộng bản thang	Đ 3.4.3		
		Bề rộng mặt bậc thang	≥ 25 cm	Đ 3.4.2		
		Chiều cao bậc	≤ 22 cm	Đ 3.4.2		
8	Điều kiện ngăn cháy	Ngăn cháy theo khoảng thông tầng	Cầu thang loại 2 đi từ sảnh tầng 1 phải ngăn cách với hành lang và phòng liền kề bằng vách ngăn cháy $\geq EI 45$ (trừ trường hợp cơ sở trang bị chữa cháy tự động)	QCVN 06:2010/BXD Đ 4.26, 4.27		
		Các phòng trong tầng hầm (nếu có)	Trong tầng hầm không được bố trí các gian phòng có sử dụng hoặc lưu giữ các chất khí và chất lỏng cháy cũng như các vật liệu dễ bắt cháy - Trước lối vào thang máy dưới tầng hầm phải bố trí các khoang đệm ngăn cháy	QCVN 06:2010/BXD Đ 4.8 Đ 4.28		

			có áp suất không khí dương khi cháy			
		Bố trí đường ống kỹ thuật, đường cáp đi xuyên qua các kết cấu tường, sàn, vách	Phải được chèn bịt hoặc xử lý thích hợp tại chỗ tiếp giáp	QCVN 06:2010/BXD Đ 4.12		
		Bố trí trần treo	- Không được bố trí trong các gian phòng hạng A, B - Trong không gian bên trên trần treo không được bố trí các kênh, đường ống để vận chuyển chất cháy dạng khí, hỗn hợp bụi - khí, chất lỏng và vật liệu cháy - Các kênh, giếng và đường ống này không được bố trí xuyên qua tường, sàn ngăn cháy loại 1	QCVN 06:2010/BXD Đ 4.12 QCVN 06:2010/BXD Đ 4.22		
		Bố trí khoang đệm luôn có áp suất không khí dương	Phải bố trí tại các cửa đi trong các bộ phận ngăn cháy dùng để ngăn gian phòng hạng A, B với không gian khác như phòng hạng C, D, E; hành lang, buồng thang bộ, sảnh thang máy	QCVN 06:2010/BXD Đ 4.19		
		Bố trí khoang đệm chung cho 2 gian phòng trở lên cùng hạng A, B	Không được phép	QCVN 06:2010/BXD Đ 4.19		
9	Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	Bố trí lối ra mái	- Nhà có chiều cao $\geq 10\text{m}$ tính đến diềm mái hoặc mép trên của tường ngoài phải có lối ra mái trực tiếp từ buồng thang bộ, hoặc đi qua tầng áp mái, hoặc đi theo cầu thang bộ loại 3, hoặc đi theo thang chữa cháy ngoài nhà. - Trong các tầng áp mái (trừ nhà nhóm F4) phải có lối ra mái qua các thang cố định và cửa đi, cửa nắp hoặc cửa sổ có kích thước $\geq 0,6 \times 0,8\text{m}$	QCVN 06:2010/BXD Đ 5.7 Đ 5.8		
		Số lối ra mái	≥ 01 lối đối với: - Mỗi khoảng cách $\leq 100\text{m}$ chiều dài của nhà có tầng áp mái - Mỗi diện tích $\leq 1.000\text{m}^2$ mái của nhà không có tầng	QCVN 06:2010/BXD Đ 5.7		

			áp mái thuộc nhóm F1, F2, F3, F4 - Mỗi 200m chu vi của nhà nhóm F5 đi theo các thang chữa cháy			
		Bố trí thang chữa cháy	Phải bố trí tại các điểm chênh lệch độ cao của mái >1m	QCVN 06:2010/BXD Đ 5.11		
		Sử dụng thang chữa cháy	Phải sử dụng thang loại P1 để lên độ cao đến 20m và chỗ chênh lệch độ cao của mái từ 1 - 20m, thang loại P2 để lên độ cao > 20m và chỗ chênh lệch độ cao > 20m	QCVN 06:2010/BXD Đ 5.12		
		Phòng trực điều khiển chống cháy (đối với nhà kho có diện tích $\geq 18.000m^2$)	- Phải có và bố trí nhân viên có chuyên môn thường xuyên trực - Diện tích $\geq 6 m^2$ - Có 2 lối ra vào: 1 lối thông với không gian trống ngoài nhà và 1 lối thông với hành lang thoát nạn - Ngăn cách với các phần khác của nhà bằng bộ phận ngăn cháy loại 1 - Có lắp đặt thiết bị thông tin và đầu mối của hệ thống báo cháy liên hệ với tất cả các khu vực của cơ sở - Có bảng theo dõi điều khiển thiết bị chữa cháy, không chế khói và sơ đồ mặt bằng bố trí các thiết bị PCCC của cơ sở	QCVN 06:2010/BXD Đ 5.18		
10	Trang bị phương tiện PCCC	Hệ thống báo cháy tự động	Kho hàng hóa, vật tư có nguy hiểm cháy với khối tích từ $1.000m^3$	TCVN 3890:2009 Đ6.1.3		
		Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà	Kho tầng có diện tích từ $500m^2$ hoặc khối tích từ $2.500m^3$	TCVN 3890:2009 Đ8.1.1		
		Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà	Kho tầng	TCVN 3890:2009 Đ8.2.1		
		Hệ thống chữa cháy tự động	- Nhà kho chứa: + Vật liệu và sản phẩm gốc xenlulo, diêm, kim loại kiềm + Len, dạ, da, kim loại và đá quý + Phim, ảnh, băng hình trong bao bì không cháy với khối lượng từ 200kg; trong	TCVN 3890:2009 Phụ lục C		

			bao bì cháy được với bất kỳ khối lượng nào + Vật tư linh kiện bán dẫn, vi mạch và linh kiện điện tử + Động cơ, máy, thiết bị dự trữ có nhiên liệu và dầu mỡ + Vật liệu, hàng hóa thuộc hạng sản xuất C bảo quản trên giá cao từ 5,5m - Nhà kho bảo quản cao su tự nhiên, cao su nhân tạo và các sản phẩm từ cao su: + Nhà 1 tầng: tổng diện tích xây dựng từ 750m² + Nhà từ 2 tầng: không phụ thuộc vào diện tích - Nhà kho cao từ 2 tầng bảo quản vật liệu, hàng hóa thuộc hạng sản xuất C - Nhà lưu trữ, thư viện, bảo quản tài liệu thống kê, tài liệu lịch sử viết tay và tài liệu quý khác - Phòng, buồng thuộc hạng sản xuất A, B (trừ nhà bảo quản nông sản dạng hạt) có diện tích từ 300m² - Phòng, buồng chứa, bảo quản vật liệu và sản phẩm cao su, gỗ, diêm, kim loại kiềm, vật tư linh kiện bán dẫn, vi mạch và linh kiện điện tử khác; vật liệu và sản phẩm từ len, dạ, da; phim ảnh, băng hình làm từ vật liệu cháy được - Phòng, buồng thuộc hạng sản xuất C: + Ổ tầng lửng, tầng hầm + Tầng nổi khác có diện tích từ 300m² - Phòng, buồng bảo quản vật liệu và sản phẩm từ quặng nhôm, keo cao su; sản phẩm chất lỏng dễ bắt cháy và dễ cháy như: dung môi, sơn, keo dán, matit, dung dịch ngâm tẩm; buồng sơn, tổng hợp cao su nhân tạo, máy nén có động cơ tuốc bin khí, phòng gia nhiệt dầu mỏ và dầu diesel			
--	--	--	---	--	--	--

			- Phòng xử lý, phân loại, bảo quản, đóng gói thư, điện tín, điện báo, báo chí - Phòng bảo quản và giao dịch khối lượng lớn ấn phẩm, tài liệu, bản thảo và tư liệu khác có giá trị - Kho lưu trữ thư viện với trữ lượng từ 500.000 đơn vị sách, tài liệu trở lên - Phòng bảo quản và trưng bày tác phẩm, vật phẩm giá trị của viện bảo tàng - Kho đạo cụ, phòng màn, dụng cụ sân khấu, trường quay - Phòng bảo quản hành lý xách tay, kho chứa vật liệu cháy được ở nhà ga, sân bay + Tầng hầm, tầng ngầm + Tầng trên mặt đất: diện tích từ 300m² - Phòng, buồng bảo quản vật liệu cháy được hoặc vật liệu không cháy trong bao bì cháy được bố trí ở: + Dưới khán đài công trình thể thao có mái che: diện tích từ 100m² + Trong công trình thể thao có mái che với sức chứa từ 800 chỗ: diện tích từ 100m² + Dưới khán đài công trình thể thao ngoài trời có sức chứa trên 3.000 chỗ: diện tích từ 100m² - Phòng máy chủ, thông tin liên lạc, bảo quản băng từ, băng giấy lưu trữ, thiết bị máy móc quay, phòng kỹ thuật dưới sân khấu, trường quay			
		Phương tiện cứu người	Cơ sở cao trên 25m hoặc có trên 50 người/tầng	TCVN 3890:2009 Đ 10.1.1		
		Dụng cụ phá dỡ	Phải trang bị	TCVN 3890:2009 Đ 10.1.7b		
		Hệ thống hút khói	- Từ hành lang có chiều dài > 15m không có chiếu sáng tự nhiên của nhà kho hạng A, B và C từ 2 tầng	QCVN 06:2010/BXD Phụ lục D		

			- Từ hành lang và sảnh chung sử dụng buồng thang bộ không nhiễm khói của các nhà công năng khác nhau - Từ sảnh thông tầng của nhà có chiều cao > 28m, từ các sảnh thông tầng > 15m và từ các hành lang có cửa đi hoặc ban công mở thông với không gian của sảnh thông tầng trên. - Từ gian phòng kho hạng A, B hoặc C, D, E trong các nhà có bậc chịu lửa IV, không có chiếu sáng tự nhiên hoặc có chiếu sáng tự nhiên qua cửa sổ hoặc cửa trời nhưng không có dẫn động cơ khí để mở các lỗ thông thoáng của cửa sổ (ở cao độ $\geq 2,2$, tính từ mặt sàn đến mép dưới của lỗ cửa) và mở các lỗ thông ở cửa mái - Từ gian phòng không có chiếu sáng tự nhiên sau: + Gian phòng với diện tích $\geq 50m^2$, có người làm việc, dùng để cất giữ hoặc sử dụng chất và vật liệu cháy + Phòng thay, gửi đồ có diện tích $\geq 200 m^2$			
			Gian hàng ở tầng hầm phải bố trí cửa sổ thoát khói có diện tích $\geq 0,75 \times 1,2m$	TCVN 4317:1986 Đ 3.10		